

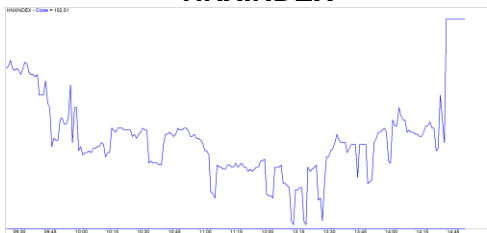
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	960.99	102.51	56.56
% ngày	-0.42%	0.34%	0.89%
% tuần	0.22%	0.06%	1.45%
% tháng	-1.01%	0.01%	1.62%
% năm	7.67%	-1.65%	7.06%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	2,946	496	406
TB 1 tuần	3,468	572	270
TB 1 tháng	4,432	388	242
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	206.48	2.54	18.84
Bán	342.33	6.80	4.66
Giá trị ròng	-135.84	-4.26	14.18
Độ rộng TT			
Mã Tăng	126	76	200
Mã Giảm	173	62	102
Không Đổi	91	233	601
Chỉ số chính			
P/E	15.77	9.03	16.93
Vốn hóa TT	3,302	192	931
(ngàn tỷ)			
LS Cổ tức	2.31%	4.45%	4.14%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index chốt phiên giao dịch cuối cùng của 2019 tại 960.99 điểm giảm 0.42%. Tổng kết cả năm 2019 VN-Index tăng 60.89 điểm một mức tăng trưởng tương đối khả quan nếu so sánh với khu vực Đông Nam Á. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index ngược lại tăng 0.34% neo tại 102.51 điểm trong khi Upcom-Index tăng 0.89% chốt tại 56.56 điểm. Giá trị giao dịch đạt gần 2,600 tỷ đồng khớp lệnh trên cả 3 sàn.

Một số trụ lớn tiếp tục giảm sâu là nguyên nhân khiến chỉ số VN-Index có mức giảm tương đối mạnh. Cụ thể, GAS(-2.5%) đóng cửa tại 93,700 đồng/cp, SAB rút ngắn đà giảm cuối phiên sau khi giảm sâu trong phiên gần 2.7% về 224,000 đồng/cp cũng là mức đáy mới từ đầu tháng 07.2019. Sau 3 phiên giảm mạnh, ROS được bắt đáy mạnh ở giá sàn nhưng lực cung vẫn mạnh khiến cổ phiếu vẫn giảm khá với khối lượng hơn 20 triệu cp khớp lệnh.

HDB(+2.4%) tiếp tục diễn biến hồi phục sau khi bật tăng từ ngưỡng 26,000 đồng/cp và đồ thị giá có xu hướng kiểm định lại kháng cự vùng 29,000 đồng/cp. VCS ghi nhận dòng tiền bắt đáy với hơn 1,2 triệu cp, giá đóng cửa tại 70,100 đồng/cp chỉ còn giảm 1.4% sau khi giảm sàn trong phiên. ITA(+4.7%) cũng ghi nhận phiên tăng giá tích cực với khối lượng đạt hơn 6 triệu cp.

Khối ngoại bán ròng với giá trị 125.9 tỷ đồng. ROS(51.3 tỷ), VIC(38.7 tỷ) dẫn đầu chiều bán ròng. Ở chiều ngược lại, HPG(17.1 tỷ), MSN(6.4 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục tích lũy quanh mức 960 điểm và nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps có thể sẽ hồi phục trở lại trong các phiên giao dịch cuối tuần. Đồng thời, trạng thái tích lũy có thể sẽ còn tiếp diễn cho đến khi thanh khoản gia tăng trở lại cho thấy dòng tiền ngắn hạn. Điểm tích cực chúng tôi quan sát thấy là dòng tiền đã có dấu hiệu dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu Upcom.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 967.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số Upcom từ mức GIẢM lên TĂNG. Do đó, trên quan điểm thận trọng, các nhà đầu tư nên tiếp tục đứng ngoài thị trường. Đồng thời, nếu nhà đầu tư có mức độ rủi ro cao thì vẫn có thể xem xét mở vị thế mua mới với tỷ trọng đã đưa ra khuyến nghị.

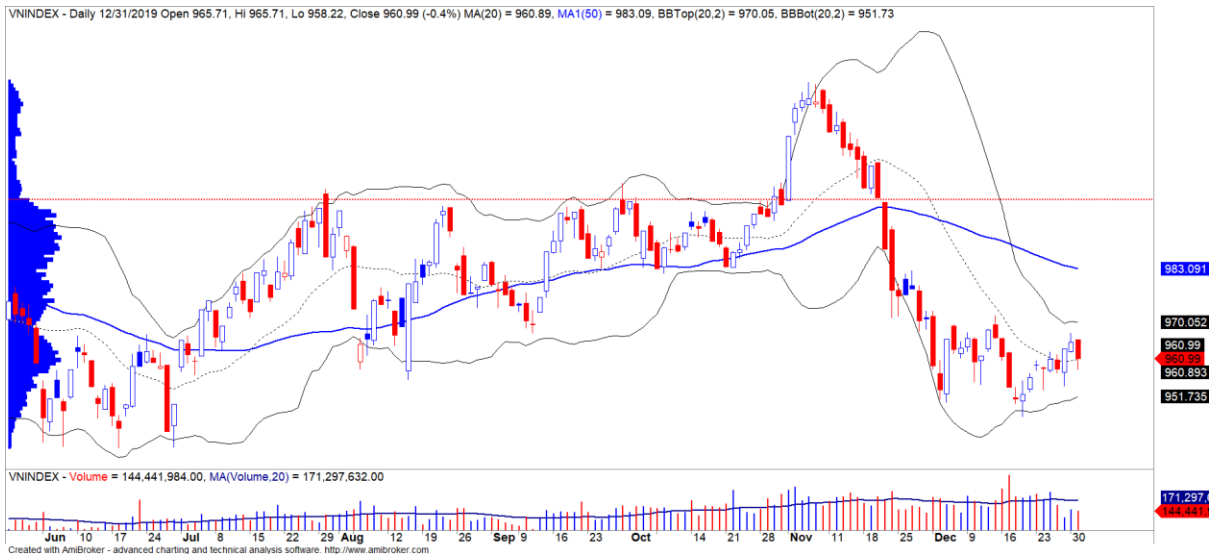
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 42% cổ phiếu/58% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.70	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ACB	22.80	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.00%	
ACV	75.00	TĂNG	GIẢM	74.00	74.78	1.35%			78.74		
ANV	22.90	TĂNG	GIẢM	22.80	21.51	0.44%			25.57		
ASM	6.69	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BFC	11.25	GIẢM	GIẢM		12.52				13.64		
BID	46.15	TĂNG	TĂNG	41.90	44.37	10.14%		33.40	38.49	38.17%	
BMP	45.20	GIẢM	GIẢM		48.20			48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BSR	8.20	GIẢM	GIẢM		8.65				9.89		
BVH	68.60	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
BWE	23.00	GIẢM	GIẢM		24.34				25.84		
CEO	9.40	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	1.08%			9.80		
CII	22.50	GIẢM	TĂNG		23.01			24.45	22.23	-7.98%	BÁN
CMG	35.90	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	54.74%	
CMX	14.05	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	13.65	GIẢM	GIẢM		14.03				14.97		
CTD	51.30	GIẢM	GIẢM		57.14				71.84		
CTG	20.90	TĂNG	GIẢM	20.60	20.16	1.46%			21.78		
CTR	40.00	GIẢM	N/A		43.21			-	N/A		
CVT	20.55	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DCM	6.50	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGC	24.40	GIẢM	GIẢM		25.89			28.61	24.95	-12.80%	BÁN
DGW	23.00	TĂNG	GIẢM	23.25	21.60	-1.08%			25.77		
DHA	31.90	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	0.16%			32.52		
DHC	37.90	GIẢM	TĂNG		39.65			37.70	36.02	0.53%	
DHG	91.50	GIẢM	GIẢM		93.96				99.56		
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-1.43%			14.69		
DPG	41.00	GIẢM	GIẢM		43.55				49.82		
DPM	12.95	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DPR	39.25	GIẢM	TĂNG		39.66			41.30	35.60	-4.96%	
DQC	15.90	GIẢM	GIẢM		16.17				17.50		
DRC	23.30	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	7.87%	
DXG	14.50	TĂNG	GIẢM	14.60	13.88	-0.68%			16.12		
EIB	17.80	TĂNG	TĂNG	17.80	16.19	0.00%		18.40	16.46	-3.26%	

We Create Fortune

FCN	9.90	GIẢM	GIẢM		10.35			11.21		
FMC	26.50	TĂNG	TĂNG	27.45	26.11	-3.46%		31.60	26.18	-16.14%
FPT	58.30	TĂNG	TĂNG	57.00	56.20	2.28%		46.00	54.99	26.74%
GAS	93.70	GIẢM	GIẢM		99.23			105.96		
GEX	19.35	GIẢM	GIẢM		20.08			21.00		
GIL	16.80	GIẢM	GIẢM		17.73			20.39		
GMD	23.30	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-1.27%		25.29		
GTN	19.00	GIẢM	GIẢM		20.24		15.00	19.49	29.94%	BÁN
GVR	10.60	GIẢM	N/A		11.38			N/A		
HAG	3.98	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	3.11%		4.22		
HAX	16.50	GIẢM	GIẢM		17.27			20.93		
HBC	10.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	0.00%		12.34		
HCM	21.35	GIẢM	GIẢM		21.89			24.43		
HDB	27.55	TĂNG	GIẢM	27.55	27.34	0.00%	MUA	29.49		
HDC	23.80	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	3.03%		15.25	20.25	56.07%
HDG	30.00	GIẢM	GIẢM		31.80			34.59		
HNG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.53			15.82		
HPG	23.50	GIẢM	TĂNG		23.87		23.85	22.11	-1.47%	
HSG	7.81	GIẢM	TĂNG		8.30		7.75	7.30	0.77%	
HT1	14.95	GIẢM	TĂNG		15.37		16.90	13.91	-11.54%	
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.61			2.71		
HVN	33.75	GIẢM	GIẢM		34.76			36.93		
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	1.31%		15.35	14.00	0.65%
KDH	26.90	GIẢM	TĂNG		27.06		24.00	24.98	12.08%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM	17.75	17.04	-4.00%	BÁN	19.42		
LCG	8.12	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-4.92%		8.76		
LDG	8.66	GIẢM	GIẢM		8.94			10.22		
LHG	15.40	GIẢM	GIẢM		15.65			16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	1.32%		8.05		
MBB	20.80	GIẢM	GIẢM		21.54			23.04		
MPC	21.60	TĂNG	GIẢM	20.10	19.98	7.46%		23.55		
MSN	56.50	GIẢM	GIẢM		57.22			64.60		
MSR	16.00	TĂNG	GIẢM	14.40	14.63	11.11%		16.05		
MWG	114.00	TĂNG	GIẢM	113.40	109.95	0.53%		122.49		
NDN	17.60	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	1.15%	13.70	16.27	28.47%	
NKG	6.90	GIẢM	TĂNG		7.04		7.11	6.07	-2.95%	
NLG	27.50	TĂNG	TĂNG	27.35	26.65	0.55%	28.70	26.30	-4.18%	
NT2	21.65	GIẢM	GIẢM		22.11			23.68		
NTL	23.70	TĂNG	GIẢM	24.40	22.85	-2.87%	24.20	23.88	-1.33%	MUA



We Create Fortune

NVL	59.50	TĂNG	GIẢM	57.90	55.31	2.76%			60.29		
OIL	8.30	GIẢM	GIẢM		8.75				10.36		
PAC	25.00	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-3.10%			27.71		
PC1	17.50	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	26.20	TĂNG	TĂNG	26.45	25.32	-0.95%		29.00	25.19	-9.66%	
PHR	38.20	GIẢM	GIẢM		43.59				55.36		
PLX	56.00	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	86.00	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	1.53%		77.07	78.71	11.58%	
POW	11.45	GIẢM	GIẢM		12.12				13.71		
PVT	16.80	GIẢM	TĂNG		16.94			18.30	16.28	-8.20%	
PPC	26.90	TĂNG	TĂNG	26.81	26.31	0.33%		28.40	24.39	-5.28%	
PTB	70.00	GIẢM	TĂNG		72.20			64.00	68.51	9.38%	
PVB	18.20	GIẢM	GIẢM		19.03				20.71		
PVD	15.05	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	30.80	GIẢM	GIẢM		31.56				33.64		
PVS	17.50	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.69%			19.30		
PXS	5.60	TĂNG	TĂNG	5.78	5.31	-3.11%		6.20	4.88	-9.68%	
QNS	27.00	GIẢM	GIẢM		28.90			33.80	28.38	-16.04%	
REE	36.30	GIẢM	TĂNG		36.82			33.33	35.23	8.93%	
SAB	228.00	GIẢM	GIẢM		235.74				255.31		
SAM	8.25	TĂNG	TĂNG	8.15	7.98	1.23%		7.40	7.58	11.49%	
SCR	5.89	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	-0.67%		6.33	5.21	-6.95%	
SHI	8.80	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	25.89%	
SJS	17.00	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	0.00%		17.00	16.88	0.00%	MUA
SKG	12.80	TĂNG	TĂNG	11.60	11.93	10.34%		12.30	11.70	4.07%	MUA
SSI	18.05	GIẢM	GIẢM		18.80				20.66		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.55	TĂNG	GIẢM	23.45	22.86	0.43%			24.80		
TCM	19.20	GIẢM	GIẢM		19.64				22.18		
TDH	9.97	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TLH	4.49	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	10.59%		4.48	3.63	0.22%	
TNG	14.90	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	-1.32%			16.69		
VCB	90.20	TĂNG	TĂNG	87.50	87.37	3.09%		62.00	84.02	45.48%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.40	-0.37%		19.20	25.47	40.10%	
VCS	70.10	GIẢM	GIẢM		81.96				91.56		
VGC	18.40	TĂNG	GIẢM	18.40	18.37	0.00%	MUA		19.34		
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.67	0.00%	MUA		8.95		
VHC	39.65	GIẢM	GIẢM		40.07				83.84		
VHM	84.80	GIẢM	GIẢM		86.95				94.97		

We Create Fortune

VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	-0.57%		17.70	16.56	-2.26%	
VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		117.29			112.00	113.76	2.68%	
VIP	4.96	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	146.20	TĂNG	TĂNG	144.40	142.29	1.25%		124.50	138.01	17.43%	
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	20.00	TĂNG	GIẢM	20.00	19.88	0.00%	MUA		21.64		
VNM	116.50	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	20.00	TĂNG	GIẢM	20.00	19.96	0.00%	MUA		21.30		
VPI	42.45	TĂNG	TĂNG	42.45	42.10	0.00%	MUA	41.30	39.68	2.78%	
VRC	16.75	GIẢM	GIẢM		19.87			17.30	21.51	24.32%	BÁN
VRE	34.00	TĂNG	TĂNG	34.50	32.32	-1.45%		35.05	32.08	-3.00%	
VSC	27.25	TĂNG	TĂNG	25.45	26.16	7.07%		27.00	26.67	0.93%	MUA

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.80	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.00%	
BID	46.15	TĂNG	TĂNG	41.90	44.37	10.14%		33.40	38.49	38.17%	
BSR	8.20	GIẢM	GIẢM		8.65				9.89		
BVH	68.60	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
CTG	20.90	TĂNG	GIẢM	20.60	20.16	1.46%			21.78		
FPT	58.30	TĂNG	TĂNG	57.00	56.20	2.28%		40.23	54.99	44.93%	
GAS	93.70	GIẢM	GIẢM		99.23				105.96		
GEX	19.35	GIẢM	GIẢM		20.08				21.00		
GVR	10.60	GIẢM	N/A		11.38				N/A		
HDB	27.55	TĂNG	GIẢM	27.55	27.34	0.00%	MUA		29.49		
HNG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.53				15.82		
HPG	23.50	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-1.47%	
HVN	33.75	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KDH	26.90	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	12.08%	
MBB	20.80	GIẢM	GIẢM		21.54				23.04		
MSN	56.50	GIẢM	GIẢM		57.22				64.60		
MWG	114.00	TĂNG	GIẢM	113.40	109.95	0.53%			122.49		
NVL	59.50	TĂNG	GIẢM	57.90	55.31	2.76%			60.29		
OIL	8.30	GIẢM	GIẢM		8.75				10.36		
PLX	56.00	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	86.00	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	1.53%		77.07	78.71	11.58%	

We Create Fortune

POW	11.45	GIẢM	GIẢM		12.12				13.71		
QNS	27.00	GIẢM	GIẢM		28.90			33.26	28.38	-14.67%	
REE	36.30	GIẢM	TĂNG		36.82			33.33	35.23	8.93%	
ROS	17.30	GIẢM	GIẢM		20.24				26.17		
SBT	18.50	GIẢM	TĂNG		18.58			17.50	17.46	5.71%	
SSI	18.05	GIẢM	GIẢM		18.80				20.66		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.55	TĂNG	GIẢM	23.45	22.86	0.43%			24.80		
TPB	21.05	GIẢM	GIẢM		21.51				23.94		
VCB	90.20	TĂNG	TĂNG	87.50	87.37	3.09%		62.00	84.02	45.48%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.40	-0.37%		18.44	25.47	45.87%	
VCS	70.10	GIẢM	GIẢM		81.96				91.56		
VEA	45.00	GIẢM	GIẢM		45.35				59.45		
VGI	24.70	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-7.84%			N/A		
VHM	84.80	GIẢM	GIẢM		86.95				94.97		
VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	-0.57%		15.00	16.56	15.30%	
VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		117.29			112.00	113.76	2.68%	
VJC	146.20	TĂNG	TĂNG	144.40	142.29	1.25%		124.50	138.01	17.43%	
VNM	116.50	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	20.00	TĂNG	GIẢM	20.00	19.96	0.00%	MUA		21.30		
VRE	34.00	TĂNG	TĂNG	34.50	32.32	-1.45%		35.05	32.08	-3.00%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.70	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ANV	22.90	TĂNG	GIẢM	22.80	21.51	0.44%			25.57		
ASM	6.69	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BMI	24.80	GIẢM	TĂNG		25.42			26.70	23.99	-7.12%	
BMP	45.20	GIẢM	GIẢM		48.20			48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BWE	23.00	GIẢM	GIẢM		24.34				25.84		
CEO	9.40	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	1.08%			9.80		
CII	22.50	GIẢM	TĂNG		23.01			24.45	22.23	-7.98%	BÁN
CRE	24.80	TĂNG	TĂNG	24.20	23.96	2.48%			24.70		
CTI	22.90	TĂNG	GIẢM	21.80	20.64	5.05%			24.05		
CTR	40.00	GIẢM	GIẢM		43.21				50.54		
D2D	79.00	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-4.93%	

We Create Fortune

DBD	54.80	GIẢM	TĂNG		57.17			38.65	54.36	41.78%	
DCM	6.50	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGW	23.00	TĂNG	GIẢM	23.25	21.60	-1.08%			25.77		
DHC	37.90	GIẢM	TĂNG		39.65			37.70	36.02	0.53%	
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-1.43%			14.69		
DPG	41.00	GIẢM	GIẢM		43.55				49.82		
DPM	12.95	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DRC	23.30	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	7.87%	
DXG	14.50	TĂNG	GIẢM	14.60	13.88	-0.68%			16.12		
E1VFN30	14.76	TĂNG	GIẢM	14.76	14.74	0.00%	MUA		15.42		
FCN	9.90	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.60	TĂNG	TĂNG	4.61	4.56	-0.22%		4.63	4.02	-0.65%	
GEG	27.00	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	115.96%	
GMD	23.30	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-1.27%			25.29		
GTN	19.00	GIẢM	GIẢM		20.24			15.00	19.49	29.94%	BÁN
HAG	3.98	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	3.11%			4.22		
HBC	10.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	0.00%			12.34		
HCM	21.35	GIẢM	GIẢM		21.89				24.43		
HDC	23.80	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	3.03%		15.25	20.25	56.07%	
HDG	30.00	GIẢM	GIẢM		31.80				34.59		
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.18%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.81	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	0.77%	
HT1	14.95	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-11.54%	
HTM	16.90	TĂNG	GIẢM	16.00	16.56	5.62%			18.47		
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.64				21.22		
IDI	5.15	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-5.50%			5.89		
IJC	16.00	TĂNG	TĂNG	14.65	15.37	9.22%		13.10	12.68	22.14%	
ITA	2.88	TĂNG	GIẢM	2.87	2.65	0.35%			3.09		
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	1.31%		14.85	14.00	4.06%	
KDC	19.45	TĂNG	TĂNG	19.50	18.14	-0.26%		20.82	18.08	-6.56%	
KOS	27.60	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	2.99%		26.30	25.20	4.94%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM	17.75	17.04	-4.00%	BÁN		19.42		
LDG	8.66	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	1.32%			8.05		
MBG	20.50	GIẢM	GIẢM	31.00	21.93	-29.25%	BÁN		39.37		
MBS	14.40	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	-2.04%			15.75		
MPC	21.60	TĂNG	GIẢM	20.10	19.98	7.46%			23.55		
NBB	20.00	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		

We Create Fortune

NKG	6.90	GIẢM	TĂNG		7.04			7.11	6.07	-2.95%	
NLG	27.50	TĂNG	TĂNG	27.35	26.65	0.55%		26.28	26.30	4.64%	
NT2	21.65	GIẢM	GIẢM		22.11				23.68		
NTL	23.70	TĂNG	GIẢM	24.40	22.85	-2.87%		24.20	23.88	-1.33%	MUA
NVB	9.40	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	23.68%		8.50	8.62	10.59%	
OGC	3.49	GIẢM	GIẢM		3.74				4.07		
PC1	17.50	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	26.20	TĂNG	TĂNG	26.45	25.32	-0.95%		23.59	25.19	11.04%	
PHR	38.20	GIẢM	GIẢM		43.59				55.36		
PPC	26.90	TĂNG	TĂNG	28.30	26.31	-4.95%		28.40	24.39	-5.28%	
PTB	70.00	GIẢM	TĂNG		72.20			60.78	68.51	15.17%	
PVD	15.05	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	30.80	GIẢM	GIẢM		31.56				33.64		
PVS	17.50	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.69%			19.30		
PVT	16.80	GIẢM	TĂNG		16.94			17.31	16.28	-2.92%	
QCG	3.98	GIẢM	GIẢM		4.24				4.80		
SCR	5.89	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	-0.67%		6.33	5.21	-6.95%	
SGP	7.00	GIẢM	GIẢM		7.38				9.24		
SHB	6.50	TĂNG	GIẢM	6.40	6.03	1.56%			6.72		
SHS	7.70	GIẢM	TĂNG		7.96			8.40	7.36	-8.33%	
SZC	17.70	TĂNG	GIẢM	17.85	16.93	-0.84%			19.60		
TCH	32.65	TĂNG	TĂNG	30.05	30.02	8.65%		26.15	25.36	24.86%	
TCM	19.20	GIẢM	GIẢM		19.64				22.18		
TDH	9.97	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TNG	14.90	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	-1.32%			16.69		
TTB	4.25	GIẢM	GIẢM		4.78				7.60		
VGC	18.40	TĂNG	GIẢM	18.40	18.37	0.00%	MUA		19.34		
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.67	0.00%	MUA		8.95		
VHC	39.65	GIẢM	GIẢM		40.07				83.84		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	20.00	TĂNG	GIẢM	20.00	19.88	0.00%	MUA		21.64		
VPI	42.45	TĂNG	TĂNG	42.45	42.10	0.00%	MUA	41.30	39.68	2.78%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.80	TĂNG	GIẢM	8.30	7.92	6.02%			8.97		

We Create Fortune

AGR	3.59	TĂNG	GIẢM	3.59	3.55	0.00%	MUA		4.02		
AMD	1.96	GIẢM	GIẢM		2.43			1.70	2.17	27.40%	BÁN
APG	9.66	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	10.27%		9.90	8.56	-2.42%	
ART	2.40	GIẢM	TĂNG		2.96			2.30	2.09	4.35%	
BCG	7.97	GIẢM	TĂNG		8.43			6.39	7.47	24.73%	
C4G	6.10	TĂNG	GIẢM	6.30	5.92	-3.17%			6.98		
C69	7.80	GIẢM	GIẢM		10.63				15.84		
CCL	8.10	TĂNG	TĂNG	6.80	7.49	19.12%		7.88	5.66	2.79%	
CVT	20.55	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DAH	9.53	GIẢM	GIẢM		11.04				11.27		
DLG	1.91	TĂNG	TĂNG	1.80	1.84	6.11%		1.71	1.40	11.70%	
DRH	3.98	GIẢM	GIẢM		4.78				5.83		
DTD	10.70	TĂNG	GIẢM	11.10	10.41	-3.60%			12.54		
EVG	2.62	GIẢM	GIẢM		2.76				2.90		
FIT	10.10	TĂNG	TĂNG	4.49	9.43	124.94%		3.64	7.29	177.47%	
FTM	1.94	GIẢM	GIẢM		2.23				4.30		
FUES SV50	12.65	GIẢM	GIẢM		12.66				13.11		
GKM	15.30	TĂNG	TĂNG	15.00	14.59	2.00%		14.90	13.99	2.68%	
HAH	11.85	GIẢM	GIẢM		12.24				13.63		
HAI	2.82	GIẢM	GIẢM		3.71			1.88	3.16	68.18%	
HAR	3.90	GIẢM	TĂNG		4.46			3.90	3.89	0.00%	BÁN
HDA	10.20	GIẢM	GIẢM		10.69				11.53		
HHP	12.10	TĂNG	GIẢM	12.20	11.59	-0.82%			13.13		
HHS	3.13	GIẢM	TĂNG		3.41			3.36	2.97	-6.85%	
HID	2.42	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	2.54%		2.63	2.16	-7.98%	
HII	9.60	GIẢM	GIẢM		10.03				11.16		
HQC	1.08	GIẢM	TĂNG		1.26			1.16	0.94	-6.90%	
HSL	7.46	GIẢM	GIẢM		7.95				8.77		
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.61				2.71		
HVG	8.60	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	9.97%		3.90	6.94	120.51%	
HVH	14.85	GIẢM	GIẢM		17.71				19.76		
IDJ	6.20	GIẢM	TĂNG		6.44			7.20	5.42	-13.89%	
JVC	3.39	GIẢM	GIẢM		3.79				4.46		
KLF	1.60	TĂNG	TĂNG	1.40	1.60	14.29%		1.50	1.31	6.67%	
LCG	8.12	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-4.92%			8.76		
LGL	8.23	GIẢM	GIẢM		8.25				9.42		
LHG	15.40	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LMH	8.53	GIẢM	GIẢM		10.27				13.67		



We Create Fortune

MST	5.20	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	52.94%	
NDN	17.60	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	1.15%		13.10	16.27	34.31%	
PHC	11.25	TĂNG	GIẢM	11.30	10.75	-0.44%			11.99		
PLP	9.05	GIẢM	GIẢM		10.28				11.39		
PVB	18.20	GIẢM	GIẢM		19.03				20.71		
PVC	6.60	GIẢM	GIẢM		6.95			6.70	6.66	-0.65%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.34				1.46		
PXL	7.80	GIẢM	TĂNG		8.17			6.70	6.64	16.42%	
SHI	8.80	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	52.64%	
SJF	2.18	GIẢM	GIẢM		2.35				2.74		
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.20				2.60		
TDC	8.41	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-3.89%			9.04		
TIG	6.40	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.49	100.00%	
TLH	4.49	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	10.59%		4.48	3.63	0.22%	
TNA	21.10	GIẢM	GIẢM		23.11			11.45	22.98	100.72%	BÁN
TNI	10.60	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-2.75%	
TSC	3.08	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	4.41%			3.45		
TTF	2.64	TĂNG	GIẢM	2.74	2.60	-3.65%			3.03		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.73				3.02		
TVC	17.60	TĂNG	TĂNG	16.90	17.16	4.14%		14.30	15.13	23.08%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.24			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	12.00	GIẢM	GIẢM		12.98				18.53		
VNA	3.10	TĂNG	GIẢM	3.50	2.94	-11.43%			4.40		
VNE	3.62	GIẢM	GIẢM		3.81				3.70		
VRC	16.75	GIẢM	GIẢM		19.87			17.30	21.51	24.32%	BÁN

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	960.99	-0.42%	HNI	102.51	0.34%	UPCoM	56.56	0.89%
VN30	879.06	-0.14%	HN30	179.26	0.29%			
VN Mid	928.87	-0.07%	VNX	845.58	-0.17%			
VN Small	780.61	-0.17%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	206.48		Mua	2.54		Mua	18.84	
Bán	342.33		Bán	6.80		Bán	4.66	
GT rỗng	-135.84		GT rỗng	-4.26		GT rỗng	14.18	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ITC	1100	6.92%	VNR	1700	8.37%	VGT	600	7.23%
SGN	5000	5.95%	HUT	100	4.35%	KLB	800	6.84%
GTN	1000	5.56%	AMV	700	2.94%	GVR	300	2.91%
DCL	1400	5.26%	NDN	300	1.73%	BSR	200	2.50%
ITA	130	4.73%	SHB	100	1.56%	OIL	200	2.47%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	-1300	-6.99%	MBG	-2200	-9.69%	VIW	-1700	-9.88%
HAI	-210	-6.93%	TAR	-900	-3.07%	C4G	-500	-7.58%
FRT	-1450	-6.44%	DL1	-800	-2.61%	QNS	-1400	-4.93%
DLG	-90	-4.50%	TNG	-300	-1.97%	PXL	-400	-4.88%
CTD	-1600	-3.02%	TIG	-100	-1.54%	HTM	-600	-3.43%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,386		ACB	37,769		ACV	167,309	
VCB	334,541		VCG	11,882		VEA	60,168	
VHM	278,951		VCS	11,216		MCH	50,736	
VNM	202,871		PVS	8,364		GVR	42,384	
BID	185,616		SHB	7,820		BCM	31,042	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	33,926,730	29,138,531	SHB	5,503,707	2,428,165	KLB	9,793,826	11,925
DLG	9,156,250	8,202,009	VC2	5,401,100	12,201	HAF	4,578,850	245
FLC	7,431,070	10,030,279	HUT	2,910,070	1,478,917	LPB	943,279	334,893
HAI	7,386,610	6,148,389	VIG	2,560,100	83,845	BSR	803,794	1,383,353
SJS	7,343,270	235,013	KLF	2,283,580	3,128,946	GVR	683,290	470,344

Nguồn: Bloomberg & YSVN

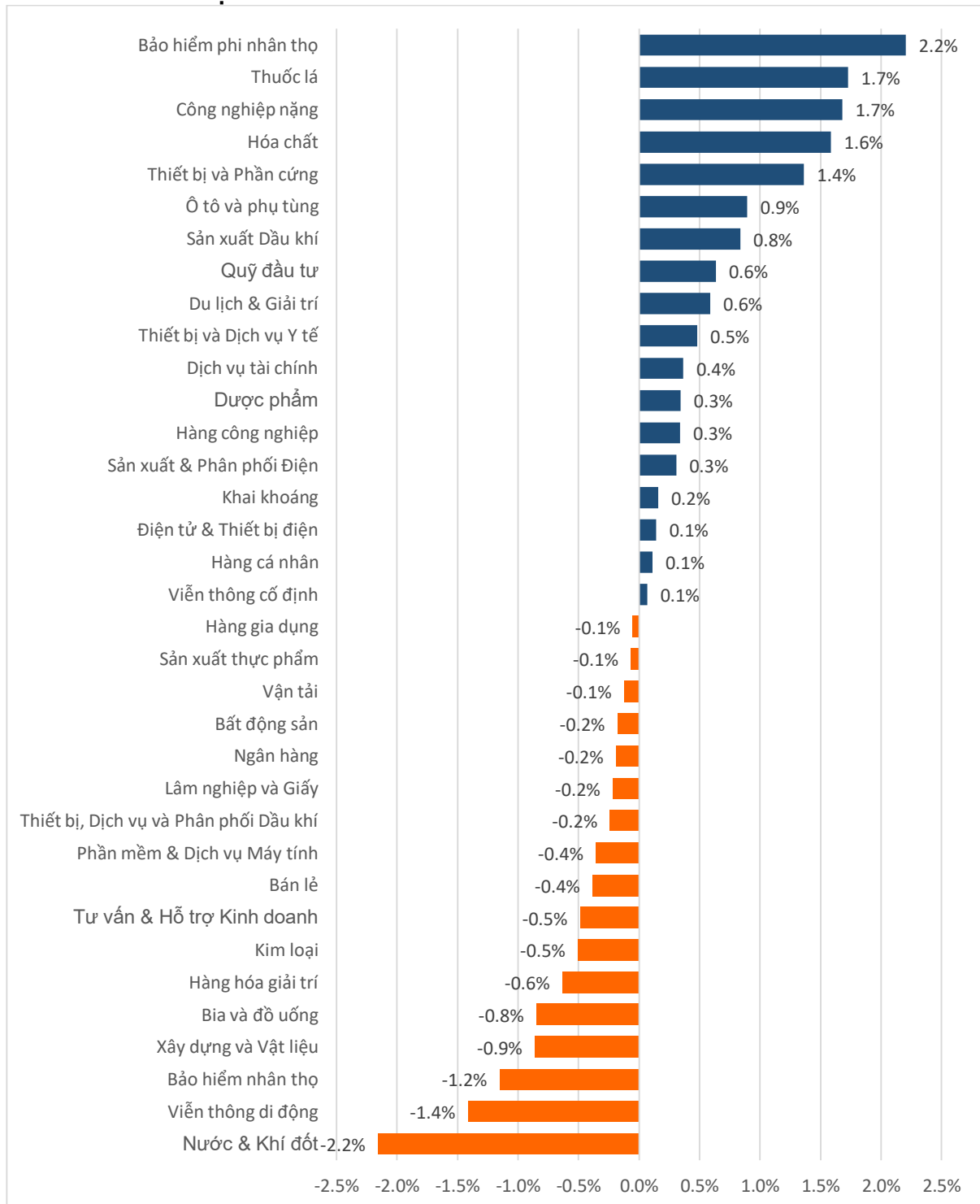
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



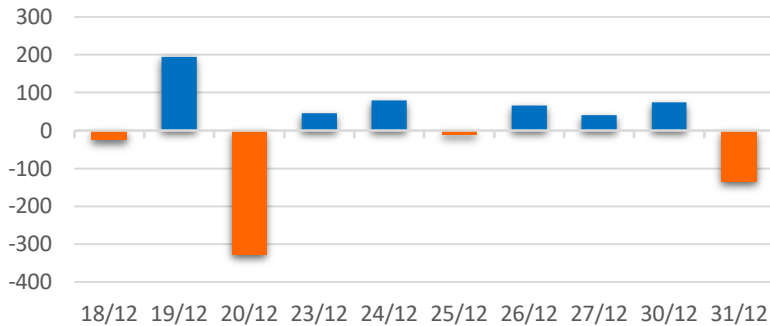
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

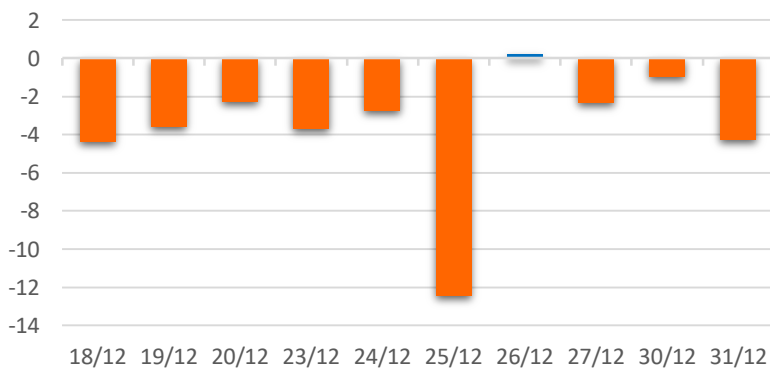
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	17,194	ROS	51,312
MSN	6,441	VIC	38,701
VHM	6,312	HDB	22,024
E1VFN30	5,896	VCI	14,795
GEX	3,690	VNM	11,995

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

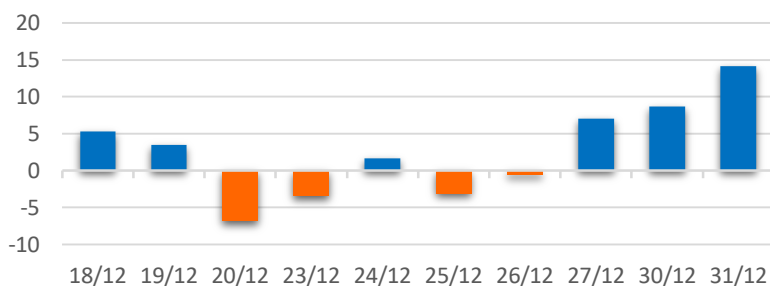
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	564	VNR	2,762
VCS	537	PVS	2,097
BVS	259	HUT	616
VMC	87	NTP	518
SRA	84	DNP	141

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	7,854	QNS	437
ACV	4,936	BBT	68
BCM	634	SAS	28
ABI	204	HPI	28
LPB	108	TDS	27

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



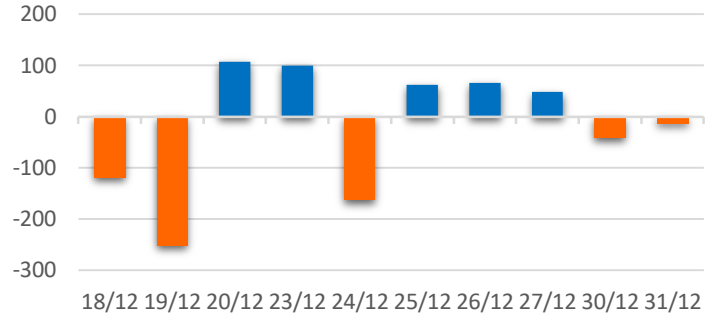
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

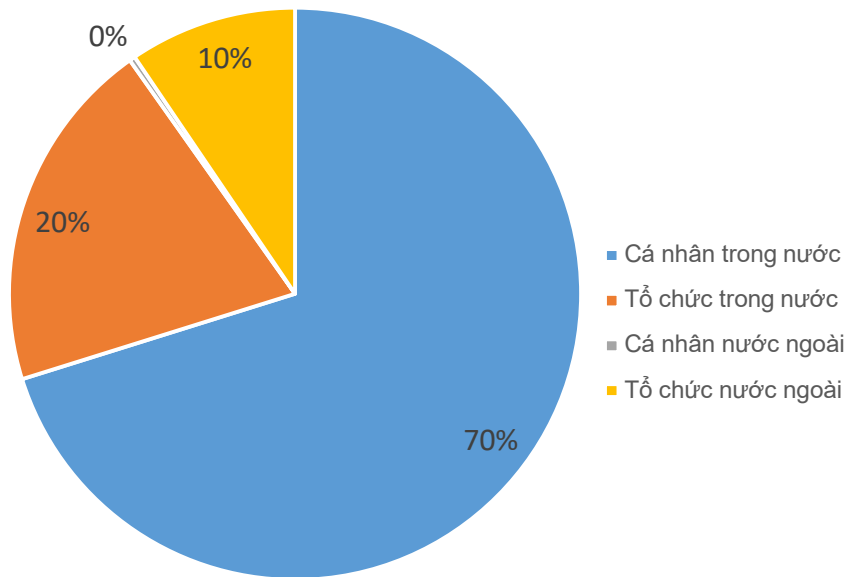
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	5,142	PHC	6,210
DIG	3,815	E1VFN30	6,087
VGC	3,681	TCB	2,919
VNM	3,091	VNM	2,889
TCB	1,877	FPT	2,423

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

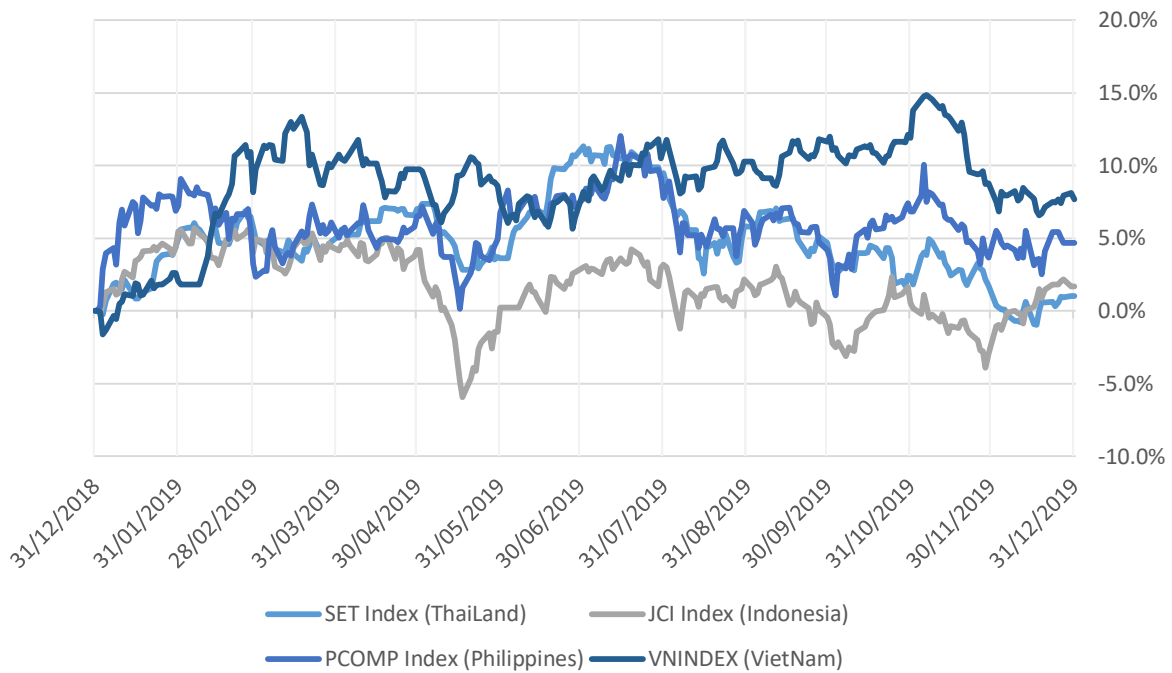


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

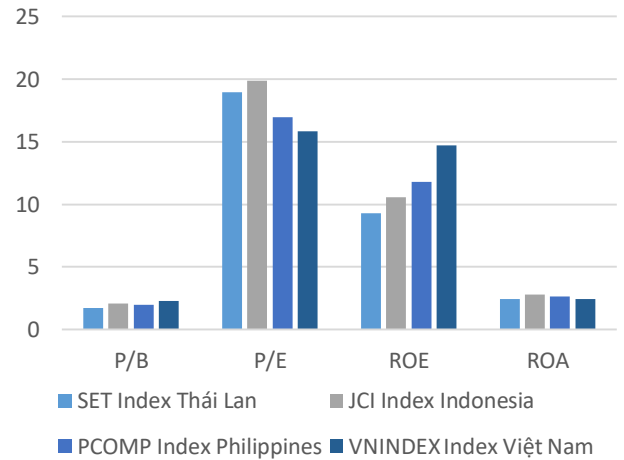
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	19.9x	16.9x	15.8x
ROE	%	9.28	10.58	11.79	14.72
ROA	%	2.41	2.78	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	557.91	525.80	192.98	142.14
GTGD	Triệu USD	0.81	0.35	0.09	0.10
LS cổ tức	%	3.26	2.40	1.60	2.05

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written